

Bản án số:08/2018/DS-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

V/v: “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**☐**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU TP ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Phạm Thanh Thủy**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Phạm Hồng Quang**  
2/ Bà **Trương Thị Mỹ Hạnh**
- *Thư ký phiên toà:* Ông **Khuất Duy Toàn** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị V - sinh năm 1973; Trú tại: 49/27 Ô, phường T, quận HC, Tp Đà Nẵng. (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Bích L - sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 33, phường HKB, quận L, Tp Đà Nẵng. Bà Trần Thị Bích L ủy quyền cho ông Phạm Phương H, sinh năm 1992 (con ruột); Trú tại: Tổ 33, phường HKN (số 455 NLB), quận L, Tp Đà Nẵng tham gia tố tụng. (Theo giấy ủy quyền ngày 18.01.2018)(có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị V trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 23.6.2015 tôi có cho bà Trần Thị Bích L mượn số tiền 50.000.000 đồng với mục đích là sửa nhà, bà L đã viết một giấy mượn tiền hẹn đến ngày 23.9.2015 sẽ trả số tiền nói trên, trong giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất, đến ngày 16.9.2015 tôi tiếp tục cho bà L mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng số tiền mượn này không thể hiện thời hạn trả. Đến hạn trả nợ như cam kết tôi yêu cầu bà L phải trả số nợ nêu trên nhưng bà L không chịu thanh toán nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Bích L phải trả cho tôi số tiền là:

-Đối với số tiền mượn ngày 23.6.2015 hẹn đến ngày 23.9.2015 trả và tôi yêu cầu tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng là 9%/1 năm là= 50.000.000 đồng x 9%/1 năm x 32 tháng 5 ngày (tính từ ngày 23.6.2015 đến ngày 28.02.2018) = 12.250.000 đồng.

-Đối với số tiền mượn ngày 16.9.2015 là 50.000.000 đồng không thể hiện thời hạn trả= 50.000.000 đồng x 9%/năm x 29 tháng 12 ngày (tính từ ngày 16.9.2015 đến ngày 28.02.2018) = 11.190.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu bà Trần Thị Bích L phải thanh toán số nợ cả gốc lẫn lãi (tính đến ngày 28.02.2018) là 123.440.000 đồng (*một trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*) trong đó:

\* Tại bản tự khai ngày 16.01.2018 và biên bản hòa giải ngày 16.01.2018 bị đơn bà Trần Thị Bích L trình bày: Tôi và bà Lê Thị V là chỗ quen biết nên vào ngày 23.6.2015 tôi có mượn của bà V số tiền 50.000.000 đồng tôi có viết một giấy mượn tiền vào ngày 23.6.2015 thể hiện có mượn số tiền 50.000.000 đồng không thể hiện lãi suất và hạn đến ngày 23.9.2015 sẽ trả số tiền nêu trên, sau này do làm nhà bị thiếu nên vào ngày 16.9.2015 tôi tiếp tục mượn bà V số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này không thể hiện ngày trả và lãi suất. Sau này bà V có đến đòi nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên tôi chưa có tiền để thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên. Nay bà V khởi kiện tôi xác nhận là có nợ của là Lê Thị V số tiền nợ gốc tổng cộng của hai lần mượn là 100.000.000 đồng. Bà V có yêu cầu tôi trả lãi cho hai khoản tiền mượn là 22.400.000 đồng (tính đến ngày 22.01.2018) theo tôi hai khoản tiền này không thể hiện mượn có lãi suất nên tôi không đồng ý trả lãi mà chỉ trả nợ gốc và mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi nào hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bích L có ông Phạm Phương H là con ruột thống nhất là bản tự khai của bà Trần Thị Bích L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị V và bà Trần Thị Bích L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[2] **Về nội dung vụ án:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V với bà Trần Thị Bích L thì thấy:

Xét thấy trên cơ sở quen biết và tin tưởng lẫn nhau, nên vào ngày 23.6.2015 bà V có cho bà L mượn số tiền 50.000.000 đồng hạn đến ngày 23.9.2015 sẽ trả và vào ngày 16.9.2015 bà V tiếp tục cho bà L mượn số tiền 50.000.000 đồng số tiền mượn lần này không thể hiện ngày trả và ngày 11.8.2017 bà V đã có thông báo yêu cầu bà L trả nợ. Tổng cộng hai lần mượn là 100.000.000 đồng. Bà L có viết một giấy xác nhận nợ thể hiện mượn số tiền của hai lần là 100.000.000 đồng

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay hai bên đều xác nhận số nợ gốc là 100.000.000 đồng nhưng thời gian thanh toán không thống nhất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX công nhận việc bà Trần Thị Bích L có nợ của bà Lê Thị V số tiền 100.000.000 đồng là có thật.

Bà Lê Thị V và bà Trần Thị Bích L đều đã trưởng thành và đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thỏa thuận của hai bên nên giao dịch dân sự giữa bà V và bà L là hợp pháp. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó bà V khởi kiện để đòi lại số tiền nợ là chính đáng, hợp lý. Tại phiên tòa hôm nay, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. HĐXX xét thấy bà L không trả nợ như đã thỏa thuận nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo

quy định tại Điều 474,478 BLDS năm 2005. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V là có căn cứ.

Về tiền lãi:

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng vay ngày 23.6.2015 hạn đến ngày 23.9.2015 trả, trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất là bao nhiêu nên căn cứ vào Điều 474 BLDS năm 2005 HĐXX chỉ chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả nên HĐXX chỉ chấp nhận một phần về khoản tiền lãi, buộc bà Trần Thị Bích L có trách nhiệm trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29.11.2010 ) tính từ ngày 24.9.2015 đến ngày 28.02.2018 là 2 năm 5 tháng 4 ngày, cụ thể:

$$\frac{50.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm} 05 \text{ tháng} 4 \text{ ngày} \times 09\%/01 \text{ năm}}{12 \text{ tháng}} = 10.925.000 \text{ đồng}$$

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng vay ngày 16.9.2015 không thể hiện ngày hạn trả nên căn cứ vào Điều 477 BLDS năm 2005 không có cơ sở để chấp nhận tiền lãi phát sinh.

[3]Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

- Nguyên đơn bà Lê Thị V phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu không được chấp nhận là: 123.440.000 đồng - 110.295.000 đồng = 13.145.000 đồng x 5% = 657.000 đồng (*sáu trăm năm mươi bảy ngàn đồng*)

- Bị đơn bà Trần Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 110.925.000 đồng x 5% = 5.546.000 đồng (*năm triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** 474,477,478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Chấp nhận đơn một phần đơn khởi kiện của bà Lê Thị V.

**1. Tuyên xử:** Buộc bà Trần Thị Bích Liêu có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị V số tiền nợ là 110.925.000 đồng (*một trăm mười triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*). Trong đó: nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi của khoản tiền nợ gốc 50.000.000 đồng tính từ ngày 24.9.2015 đến ngày 28.02.2018 là 10.925.000 đồng

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** bà Trần Thị Bích L phải nộp là 5.546.000 đồng (*năm triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*).

Bà Lê Thị V phải nộp là 657.000 đồng (*sáu trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.455.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 00000868 ngày 20.12.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị V được hoàn trả lại 3.798.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chi khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, đại diện bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Thủy**